

Bản án số: 157/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 27 – 6 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Ông Hồ Thanh Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Tr, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Phong A, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Hữu L, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Phong A, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Tr trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Chị Tr và anh L chung sống năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đ, huyện Đam D. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh L không quan tâm lo lắng cho gia đình, đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Quá trình chung sống chị Tr và anh L có 01 con chung tên Lê Trí Ph, sinh năm 2005, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị Tr xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

\* *Đối với anh Lê Hữu L:* Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị Tr nhưng anh L không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Hữu L đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị Tr và anh L chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh L không quan tâm lo lắng cho gia đình, đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị Tr xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Tr.

Xét yêu cầu của chị Tr, thấy rằng: Chị Tr yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh L đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh L không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Tr, cho chị Tr ly hôn với anh L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Chị Tr xác định con chung đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tin thần nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ: Chị Tr xác định không có, anh L không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Tr phải chịu Tr vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56

của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Tr. Cho chị Võ Thị Tr được ly hôn với anh Lê Hữu L.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị Tr phải chịu Tr vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001182 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (chị Tr đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo Tr thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)  
Huỳnh Ngọc Mai**